

**QUYẾT ĐỊNH
CÔNG NHẬN THUẬN TÌNH LY HÔN
VÀ SỰ THỎA THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ**

Căn cứ hồ sơ vụ án hôn nhân và gia đình thụ lý số 112/2022/TLST- HNGĐ ngày 27 tháng 6 năm 2022, giữa:

* *Nguyên đơn*: Chị **Đỗ Thu H**, sinh năm 1974

Địa chỉ: Thôn 13, xã L, thành phố T, tỉnh T.

* *Bị đơn*: Anh **Trần Quang N**, sinh năm 1965

Địa chỉ: Thôn 13, xã L, thành phố T, tỉnh T.

Căn cứ vào các Điều 212 và 213 của Bộ luật Tố tụng dân sự;

Căn cứ vào Điều 55, 58, 81, 82, 83, 107, 110, 116, 117 - Luật hôn nhân và gia đình;

Nghị quyết 326/2016/UBTVQH 14 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội khóa 14 quy định mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Căn cứ vào biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hoà giải thành ngày 25 tháng 8 năm 2022

XÉT THẤY

Việc thuận tình ly hôn và thoả thuận của các đương sự ghi trong biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hoà giải thành ngày 25 tháng 8 năm 2022 là hoàn toàn tự nguyện và không vi phạm điều cấm của luật, không trái đạo đức xã hội.

Đã hết thời hạn 07 ngày, kể từ ngày lập Biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hoà giải thành, không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thoả thuận đó.

QUYẾT ĐỊNH

1. Công nhận sự thuận tình ly hôn giữa: Chị Đỗ Thu H và anh Trần Quang N.

2. Công nhận sự thoả thuận của các đương sự cụ thể như sau:

- Về con chung:

Con chung thứ nhất là Trần Thị Trang A, sinh ngày 30/10/1994 hiện đã trên 18 tuổi và trưởng thành nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Giao con chung thứ hai là Trần Đức A, sinh ngày 21/9/2007 cho chị Đỗ Thu H trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc và giáo dục sau ly hôn. Anh Trần Quang N có nghĩa vụ cấp

dưỡng nuôi con chung cùng chị Đỗ Thu H, mức cấp dưỡng là 1.500.000đ (Một triệu năm trăm đồng)/ tháng. Phương thức cấp dưỡng được thực hiện định kỳ hàng quý, kể từ tháng 9/2022 cho đến khi con Trần Đức A đủ 18 tuổi.

Anh Trần Quang N có quyền và nghĩa vụ thăm nom, chăm sóc con chung mà không ai được cản trở.

Tr- ờng hợp bên có nghĩa vụ chậm trả tiền thì bên đó phải trả lãi đối với số tiền chậm trả t- ong ứng với thời gian chậm trả. Lãi suất phát sinh do chậm trả tiền đ- ợc thực hiện theo quy định tại khoản 2 điều 468 của Bộ luật dân sự.

- *Về tài sản chung:* Chị Đỗ Thu H và anh Trần Quang N đều xác định tự thỏa thuận về tài sản chung, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- *Về vay nợ chung:* Chị Đỗ Thu H, anh Trần Quang N và Ngân hàng công thương Việt Nam – chi nhánh Tuyên Quang đều không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- *Về án phí:* Chị Đỗ Thu H tự nguyện chịu toàn bộ án phí sơ thẩm ly hôn là 150.000đ (Một trăm năm m- ời nghìn đồng), trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 300.000đ (Ba trăm nghìn đồng) theo Biên lai thu tiền tạm ứng án phí số AA/2021/0000363 ngày 27 tháng 6 năm 2022 của Chi cục Thi hành án dân sự thành phố Tuyên Quang, tỉnh Tuyên Quang. Chị Đỗ Thu H đã nộp đủ án phí, trả lại cho chị H số tiền chênh lệch là 150.000đ (Một trăm năm m- ời nghìn đồng).

Anh Trần Quang N đã nộp và phải chịu 150.000đ (Một trăm năm m- ời nghìn đồng) án phí của người có nghĩa vụ cấp dưỡng đủ án phí của vụ án.

3. Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi được ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

"Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự".

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Tuyên Quang;
- VKSND TP.Tuyên Quang (02 bản);
- Chi cục THADS TP.Tuyên Quang (để TH);
- Các đương sự (để thi hành);
- UBND xã Lưỡng Vượng, TP.Tuyên Quang (để biết);
- Lưu hồ sơ VA+ TA.

THẨM PHÁN

Đào Thị Thu Thủy

